

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2018/HSST
Ngày 20 tháng 12 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Dương Văn Hải;

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Tuấn ;

2. Bà Nguyễn Thị Vượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Thơ- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 192/2018/HSST ngày 14 tháng 11 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2018/QĐXXST-HS ngày 16/11/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2018/HSST-QĐ ngày 29/11/2018 và Thông báo mở lại phiên tòa số 1498/TB- TA ngày 07/12/2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Giáp Thanh Đ**, sinh năm 1997, tên gọi khác: Không; Nơi D ký HKTT và chỗ ở: thôn T, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Giáp Văn K, sinh năm 1966 và bà Dương Thị H, sinh năm 1971; Vợ, con: chưa có; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là thứ 2; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/6/2018 đến ngày 18/7/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ tên: **Hoàng Văn T**, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2001, Tên gọi khác: Không. Nơi D ký HKTT và chỗ ở: thôn D, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: tự do; Con ông: Hoàng Văn M, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; Vợ, con: Chưa có; Gia đình có 3 anh em, bị cáo là thứ nhất; Tiền án: Chưa có. Nhân thân: Tại quyết định số 107 ngày 26/7/2017 của Công an

thành phố B xử phạt cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/6/2018 đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: **Đỗ Tiến M**, sinh năm 1999, Tên gọi khác: Không; Nơi D ký HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố T, phường K, thành phố B, Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: tự do; con ông Đỗ Văn H, sinh năm 1972 và bà Đỗ Thị T, sinh năm 1976; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là thứ nhất; Vợ, con: Chưa có. Tiền án: Chưa có. Tiền sự: Tại quyết định số 10 ngày 28/6/2017 của Công an phường K, thành phố B xử phạt cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Nhân thân: Tại Bản án số 39/2018/HSST ngày 25/7/2018 bị Toà án nhân dân huyện Lạng Giang xử phạt Đỗ Tiến M 02 năm 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Do bị cáo kháng cáo bản án nói trên, sau đó rút kháng cáo nên tại Quyết định số 74/2018/HSPT-QĐ ngày 04/10/2018 Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã đình chỉ xét xử vụ án hình sự phúc thẩm đối với bị cáo Đỗ Tiến M. Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/6/2018 đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

4. Họ và tên: **Trịnh Trọng Đ**, sinh ngày 14 tháng 12 năm 2000; Tên gọi khác: Nơi thường trú: số nhà 68, đường M, tổ dân phố M, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: tự do; con ông: Trịnh Trọng Đ, sinh năm 1974 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1975; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là thứ hai; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Chưa có. Nhân thân: Tại quyết định số 16 ngày 23/01/2016 của Công an thành phố B xử phạt cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/6/2018 đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

* **Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Hoàng Văn T:** Bà Nguyễn Thị Thảo, sinh năm 1983; Địa chỉ: thôn D, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa).

* **Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Trịnh Trọng Đ:** Ông Trịnh Trọng Đức, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số nhà 68, đường M, tổ dân phố M, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa).

* **Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn T:** Luật sư Bùi Thị Thúy- thuộc Văn phòng Luật sư Hoàng Loan - Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa).

* **Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Trọng Đ:** Luật sư Vũ Bá Chủ - thuộc Văn phòng Luật sư Dân An- Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa).

* **Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1, Anh Hoàng Trọng B, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Số nhà 867, đường L, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

2, Anh Vũ Thái D, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số nhà 229, đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

3, Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

4, Anh Nguyễn Văn T, sinh 1981.

Địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

*** Người làm chứng:**

1, Anh Thân Văn H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số nhà 14, ngách 12, ngõ 971, đường L, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

2, Anh Cao Văn N, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Tổ dân phố G, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22 giờ 45 phút, ngày 8/6/2018 tại nhà anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981, trú tại: tổ dân phố Q, phường K, thành phố B, Bắc Giang, Công an phường K, thành phố B bắt quả tang Giáp Thanh Đ, sinh năm 1997, trú tại thôn T, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Đỗ Tiến M, sinh năm 1999, trú tại tổ dân phố T, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Hoàng Văn T, sinh ngày 23/10/2001 trú tại thôn D, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tang vật thu giữ:

- 01 túi nilon màu trắng được hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy tổng hợp dạng “đá” thu tại trên nền mặt chiếu trải dưới đất trong nhà Nguyễn Văn T được cho vào trong một phong bì thư niêm phong.

- 01 chai nhựa đựng nước có nắp màu vàng trên nắp có cắm ống hút nhựa và coóng thủy tinh; 01 chiếc kéo; 01 bật lửa gas; 01 mảnh giấy bạc.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen biển kiểm soát 98B2-297.23 đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy J5, màn hình bị vỡ của Đỗ Tiến M đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu đen của Hoàng Văn T đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của Giáp Thanh Đ đã qua sử dụng.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B ra quyết định trưng cầu giám định mẫu vật nghi là chất ma túy thu giữ được.

Tại Kết luận giám định số: 737/KL-PC54 ngày 11/06/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc giang, kết luận:

Trong 01 phong bì thư đã được niêm phong gửi giám định: Chất tinh thể màu trắng đựng trong 01 túi nilon màu trắng được hàn kín là chất ma túy Methamphetamine, có khối lượng: 0,355 gam.

Đến ngày 11/6/2018, Trịnh Trọng Đ, sinh ngày 14/12/2000, nơi cư trú: số nhà 68, đường M, tổ dân phố M, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Giang đến Công an thành phố B đầu thú.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B ra lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở, nơi làm việc của Trịnh Trọng Đ phát hiện và thu giữ:

- 01 túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa nhựa và viên màu đỏ bên trong đựng 01 mảnh viên nén hình tròn màu đỏ tím, chất bột màu đỏ tím thu tại ngăn dưới cùng của tủ nhựa trong góc phòng ngủ tầng 1 nhà số 107, đường Trần Nguyên Hãn, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố B được cho vào trong một phong bì thư niêm phong.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng - đen - bạc BKS 98B1-728.46 đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu đen xám đã qua sử dụng.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B ra quyết định trưng cầu giám định mẫu vật trong 01 túi nilon màu trắng thu giữ được ở trên.

Tại Kết luận giám định số 765/KL-PC54 ngày 15/06/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc giang, kết luận: Trong 01 túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa nhựa và viên màu đỏ: Không tìm thấy thành phần chất ma túy. Tổng khối lượng của mẫu mảnh viên nén và chất bột là: 0,342 gam.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 08/06/2018, Giáp Thanh Đ, sinh năm 1997 nảy sinh ý định sử dụng ma túy tổng hợp dạng “đá” nên D lấy điện thoại của mình gọi cho Hoàng Văn T, sinh ngày 23/10/2001 hỏi T: Có tiền không để mua ma túy “đá” cùng sử dụng. T đồng ý và hẹn D tối lúc nào làm xong thì qua đón T để đi mua ma túy sử dụng (T đang làm thuê tại Nhà hàng Hiền Thi 1). Đến khoảng hơn 20 giờ cùng ngày do không có xe để đi nên D gọi điện thoại cho Đỗ Tiến M, sinh năm 1999, M đang chơi điện tử ở quán Internet Văn Tuyên, đường L, phường K, thành phố B bảo M đến nhà D để đón D và rủ M đi sử dụng ma túy. M đồng ý và đi xe mô tô biển kiểm soát 98B2-297.23 đón D và đèo D lên quán Internet Văn Tuyên chơi điện tử chờ T làm xong thì qua đón T để đi mua ma túy cùng sử dụng. Khi D đang ở quán Internet thì T có nhắn tin bằng tài khoản Messenger Facebook “T Con” cho tài khoản Messenger Facebook của D là “Thanh D Giáp” với nội dung là trao đổi thống nhất việc mua 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền ma túy “đá” và số tiền đó sẽ do T đi hỏi vay của bạn. Sau đó, D quay sang bảo với M đang ngồi bên cạnh về nội dung vừa trao đổi với T và bảo M xem có chỗ nào mua

ma túy để đi mua. M dùng điện thoại của mình nói chuyện qua Messenger tài khoản Facebook “M Thử” với tài khoản Facebook “Trích Đ” của Trịnh Trọng Đ, sinh ngày 14/12/2000 với nội dung là M nhờ Đ lấy hộ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền ma túy “đá” và Đ đồng ý nhưng chưa hẹn địa điểm để đưa tiền cho Đ.

Sau khi trao đổi thống nhất xong M tiếp tục chơi điện tử đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì T nhắn tin qua Messenger Facebook cho D bảo đã làm xong qua đón T nên D bảo M đèo D bằng xe máy qua đón T tại quán ăn Hiền Thi 1 trên đường L, thành phố B. Tại đây, D và M gặp T đang đứng đợi sẵn ở trước cửa quán. Khi đón được T thì M đổi lái cho D điều khiển đi sang quán ăn Hiền Thi 2 trên đường Nguyễn Thị Lưu, thành phố B để T vay tiền của bạn là Vũ Đức Hoàng Anh, sinh năm 2000, trú tại: thôn Phe, Vân Sơn, Sơn Động, Bắc Giang. Đến nơi, D và M đứng đợi ở ngoài còn T chạy vào trong gặp Hoàng Anh vay tiền. Sau khi vay được 300.000 đồng, T quay ra lên xe D kèm. Lúc này, D bảo M điện thoại cho Đ để lấy ma túy nhưng M không có số điện thoại của Đ, T đọc số điện thoại của Đ để M gọi cho Đ. Qua nói chuyện điện thoại M hẹn gặp Đ tại khu vực sân vận động Bắc Giang, phường Ngô Quyền, thành phố B để nhờ mua hộ ma túy. Đ đồng ý. Khoảng 05 phút sau thì D kèm M và T đến điểm hẹn. Đợi một lúc chưa thấy Đ đến nên M gọi lại cho Đ nhưng không thấy nghe máy. Một lúc sau Đ đi xe mô tô biển kiểm soát 98B1-728.46 đến gặp M, D và T. Sau đó, M hát hàm ra hiệu cho T ý là bảo T qua gặp Đ đưa tiền cho Đ. T đưa cho Đ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và nói với Đ là “lấy hộ em 300.000đ đá”. Đ cầm tiền và phóng xe đi lên khu vực bờ đê Châu Xuyên, phường L, thành phố B gặp và mua được của một người đàn ông không quen biết 300.000 đồng được một túi nilon màu trắng được hàn kín bên trong đựng ma túy “đá”.

Sau khi mua được ma túy, Đ cầm ở tay đi xe máy quay về gặp D, M và T tại khu vực sân vận động Bắc Giang. Khi gặp nhau, Đ đưa cho T túi nilon đựng ma túy đá, T lại đưa cho D cầm túi nilon đựng ma túy đá này cất vào túi quần bên phải D đang mặc. Tiếp đó M có rủ Đ về nhà Nguyễn Văn T, sinh năm 1981, nơi cư trú: tổ dân phố Q, phường K, thành phố B, Bắc Giang để sử dụng ma túy cùng nhưng Đ bảo bận đi làm không đi được nên về trước. Lúc này D kèm M và T đi về nhà T theo sự chỉ đường của M. Khi đến nhà T thì tại sân nhà T có Hoàng Trọng B, sinh năm 1996, trú tại: số nhà 867, đường L, phường K, thành phố B; Thân Văn H, sinh năm 1995, trú tại: ngõ 971, đường L, phường K, thành phố B; Cao Văn N, sinh năm: 1997, trú tại: tổ dân phố G, phường K, thành phố B đang ngồi uống nước nói chuyện với nhau. D, M, T dắt xe đi vào nhà T. M hỏi T và được T mời tất cả vào ngồi tại chiếu trái sân dưới đất ở bên trong phía góc nhà T. Tiếp đó Bảo từ ngoài sân vào ngồi cùng với T, D, M, T ở dưới chiếu. D lấy túi ma túy đang cất giấu trong túi quần thả xuống chiếu. T cầm túi ma túy định cất thì đúng lúc này lực lượng công an vào kiểm tra bắt quả tang.

Tại Cơ quan Công an Giáp Thanh Đ, Đỗ Tiến M, Hoàng Văn T và Trịnh Trọng Đ đã khai nhận hành vi phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tại Bản cáo trạng số 140/CT-VKS ngày 24/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố các bị cáo Giáp Thanh Đ, Hoàng Văn T, Trịnh Trọng Đ và Đỗ Tiến M về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Sau khi thụ lý hồ sơ vụ án Tòa án nhân dân thành phố B đã mở phiên tòa xét xử đối với các bị cáo Giáp Thanh Đ, Đỗ Tiến M, Hoàng Văn T và Trịnh Trọng Đ. Tại phiên tòa các bị cáo khai: Nguyễn Văn T biết việc các bị cáo đến nhà T để sử dụng ma túy, các dụng cụ để sử dụng ma túy đều là của T có sẵn trong nhà, T là người dùng kéo định cắt gói ma túy để các bị cáo sử dụng thì bị bắt. Do vậy, Hội đồng xét xử đã trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung nhằm làm rõ Nguyễn Văn T có dấu hiệu của tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy hay không.

Ngày 14/11/2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố B có Công văn số 1589/CV-VKS về việc giữ nguyên quyết định truy tố đối với Giáp Thanh Đ, Đỗ Tiến M, Hoàng Văn T và Trịnh Trọng Đ theo cáo trạng 140/CT-VKS ngày 24/8/2018 và chuyển hồ sơ vụ án để Tòa án nhân dân thành phố B xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong hồ sơ như sau:* Tôi ngày 08/6/2018 khi anh đang ở nhà ngồi chơi với mấy người bạn cùng xóm thì có M, D và T đi một xe máy đến, khi họ đến thì có chào hỏi nên anh mời mọi người vào trong nhà, mọi người ngồi ở chiếc chiếu trên nền nhà, khi anh đi vệ sinh vào thì thấy 01 túy ni lông ở trên chiếu và có người nhờ anh cắt ra, nghĩ là bạn bè nên anh đồng ý, khi cầm trên tay chuẩn bị cắt thì lực lượng công an vào bắt kiểm tra và bắt quả tang. Khi đó D khai là ma túy nên anh mới biết là của D mang đến cùng nhau sử dụng. Giữa anh và M, D và T không có bàn bạc hay thỏa thuận gì về việc sử dụng ma túy. Mọi người cũng không nói gì với anh. Bản thân anh có nghiện ma túy đá từ năm 2010 nên anh có một số đồ dùng để sử dụng ma túy đá để ở chiếu nơi mọi người ngồi. Anh không có liên quan gì đến việc tàng trữ ma túy để sử dụng của M, D và T. Nay số đồ dùng vào việc sử dụng ma túy bị công an thu giữ thì anh không có ý kiến gì.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Thái D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong hồ sơ như sau:* Trịnh Trọng Đ là người quen và làm cùng với anh. Ngày 08/6/2018 anh có cho Đ mượn một xe mô tô biển kiểm soát 98B1-728.46 vì Đ nói là đi có việc, cùng ngày Đ về trả lại xe cho anh. Sau đó

anh được biết Đ đã dùng xe để đi mua ma túy cho bạn nên anh đã giao nộp xe cho cơ quan Công an để điều tra. Nay anh đã nhận lại xe và không yêu cầu gì.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị T có mặt trình bày: Năm 2015 chị có mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B2-297.23 để làm phương tiện đi lại, D ký xe mang tên chị. Ngày 08/6/2018 chị có cho M (là con của chị) mượn để đi chơi, chị không biết M sử dụng chiếc xe để đi phạm tội về ma túy. Nay chị đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì.

* Anh Hoàng Trọng B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa đã được hội đồng xét xử công bố lời khai các bị cáo nhất trí và không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ án vẫn giữ nguyên quyết định như đã truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

1, Tuyên bố các bị cáo Giáp Thanh Đ, Hoàng Văn T, Trịnh Trọng Đ và Đỗ Tiến M phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

2, Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm c khoản 1, 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Giáp Thanh Đ từ 15 đến 17 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/6/2018 đến ngày 18/7/2018.

Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo từ 5.000.000đ đến 6.000.000đ, để sung quỹ nhà n□ốc.

- Áp dụng điểm c khoản 1, 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 56; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Đỗ Tiến M từ 15 đến 18 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của Bản án số: 39/2018/HSST ngày 25/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt bị cáo M 02 năm 06 tháng tù về tội "Cuồng đoạt tài sản". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là từ 45 đến 48 tháng tù, nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/01/2018 đến ngày 13/02/2018. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 09/6/2018.

Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo từ 5.000.000đ đến 6.000.000đ, để sung quỹ nhà n□ốc.

2.3. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 98; Điều 101; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Hoàng Văn T từ 11 đến 13 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 09/6/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2.4. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 98; Điều 101; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Trịnh Trọng Đ từ 11 đến 13 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 11/6/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3, Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu huỷ các vật chứng sau đây:

+ 02 phong bì thư đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định.

+ 01 chai nhựa đựng nước có nắp màu vàng trên nắp có cắm ống hút nhựa và coóng thủy tinh; 01 chiếc kéo; 01 bật lửa gas; 01 mảnh giấy bạc.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước các vật chứng sau đây:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy J5 có số Imei: 357202078470888, màn hình bị vỡ đã qua sử dụng của Đỗ Tiến M.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu đen xám có số Imei: 352013075500055 đã qua sử dụng của Hoàng Văn T.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 có số Imei: 358373056890543 đã qua sử dụng của Giáp Thanh Đ.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu đen xám có số Imei các số cuối là 2048489 đã qua sử dụng của Trịnh Trọng Đ.

4, Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

** Người bào chữa cho bị cáo T trình bày ý kiến:*

- Nhất trí với tội danh, khoản, điều luật đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Tuy nhiên, Luật sư bào chữa cho rằng mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo T từ 11 đến 13 tháng là nặng vì bị cáo là người chưa thành niên, bị rủ rê lôi kéo vào việc đi mua ma túy để sử dụng, trong vụ án này bị cáo T giữ vai trò đồng phạm thứ yếu. Do vậy, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T ở mức hình phạt từ 09 đến 10 tháng tù để bị cáo nhanh chóng trở về gia đình và địa phương.

** Người bào chữa cho bị cáo Đ trình bày ý kiến:*

- Nhất trí với tội danh, khoản, điều luật đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Tuy nhiên, Người bào chữa cho bị cáo Đ cho rằng: Mặc dù bị cáo Đ cùng với các bị cáo khác có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng vai trò đồng phạm của bị cáo trong vụ án này là thứ yếu và không đáng kể so với các bị cáo khác. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo ra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi, bản thân bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ. Do vậy,

Luật sư đề nghị Hội đồng xét áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 91 Bộ luật hình sự để miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đ.

Các bị cáo Giáp Thanh Đ, Hoàng Văn T, Trịnh Trọng Đ và Đỗ Tiến M nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cũng như Điều tra viên và Kiểm sát viên thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo, Luật sư, người đại diện hợp pháp của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều vắng mặt không có lý do nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ, không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo Điều 292 và Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[3]. Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; của những người làm chứng; biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang thấy đã có đủ cơ sở kết luận: Hồi 22 giờ 45 phút ngày 08/6/2018 tại tổ dân phố Q, phường K, thành phố B, Bắc Giang, Công an phường K, thành phố B kiểm tra phát hiện bắt quả tang: Giáp Thanh Đ, sinh năm 1997; Đỗ Tiến M, sinh năm 1999 và Hoàng Văn T, sinh ngày 23/10/2001, có hành vi tàng trữ trái phép 0,355 gam chất ma túy Methamphetamine với mục đích sử dụng. Quá trình điều tra ngày 11/6/2018 Trịnh Trọng Đ đã đầu thú và thừa nhận hành vi đã trực tiếp đi mua ma túy cho D, M và T sử dụng và không có mục đích kiếm lời nên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Hành vi của các bị cáo D, M, T và Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét về tính chất của vụ án thì thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Việc tàng trữ, sử dụng chất ma túy của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương, gây ảnh hưởng không tốt đến gia đình và xã hội và là nguyên nhân làm phát sinh một số tội phạm nguy hiểm khác, là con đường lây lan của một số căn bệnh xã hội nguy hiểm cho bản thân các bị cáo và xã hội. Do vậy, cần phải xử nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5]. Xét về nhân thân của các bị cáo thì thấy: Bị cáo D có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Đối với bị cáo T và bị cáo Đ đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản.

Đối với bị cáo Đỗ Tiến M có một tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và ngày 25/7/2018 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 30 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

[6] Xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy: Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, nhưng chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ giữa các bị cáo trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, về vai trò đồng phạm trong vụ án này bị cáo Giáp Thanh Đ là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác nên giữ vai trò chính, các bị cáo M, T, Đ đều là người tích cực tham gia nên đều giữ vai trò đồng phạm ngang nhau ở vị trí thứ hai trong vụ án này.

[7]. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Đ sau khi phạm tội đã ra đầu thú khai rõ hành vi phạm tội của mình nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8]. Xét về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo D, M, T và Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Mặc dù bị cáo M đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang kết án 30 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo Bản án số 39/2018/HSST ngày 25/7/2018 nhưng trong vụ án này bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự vì thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị xét xử trong vụ án này vào ngày 08/6/2018 là trước khi bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang kết án.

[9]. Bị cáo T, bị cáo Đ phạm tội lần đầu trong độ tuổi vị thành niên, nên cần áp dụng các quy định tại Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo T, bị cáo Đ.

[10] Xét ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo Đ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo thấy rằng: Mặc dù bị cáo Đ thực hiện hành vi phạm tội tại thời điểm chưa đủ 18 tuổi, tuy nhiên trước đó (năm 2016) bị cáo đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không cải sửa mà lại tiếp tục phạm tội. Trong vụ án này mặc dù bị cáo không phải là đồng phạm giữ vai trò chính nhưng bị cáo cũng là người thực hành tích cực, là người trực tiếp đi mua ma túy để các bị cáo khác mang đi sử dụng, nếu bị cáo không nhận lời và không mua hộ ma túy thì có thể các bị cáo khác không có ma túy để mang đi sử dụng và có thể không bị truy tố về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Xét thấy, hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội nên cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự và có hình phạt tù tương xứng buộc bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người tốt và răn đe phòng ngừa chung. Do vậy, đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Đ không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11]. Xét về hình phạt bổ sung:

- Đối với bị cáo D và bị cáo M: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú cho thấy điều kiện kinh tế gia đình các bị cáo bình thường. Do vậy, cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

- Đối với bị cáo T và bị cáo Đ phạm tội ở tuổi vị thành niên, theo quy định tại Điều 98 Bộ luật hình sự không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[12]. Đối với Nguyễn Văn T là chủ nhà nhưng T không cho thuê mượn, cho mượn địa điểm cũng như không cung cấp dụng cụ cho D, M, T để sử dụng ma túy. Khi ở trong nhà T có cầm túi ma túy lên định cắt để cùng nhau sử dụng, bản thân T không biết trước, không được bàn bạc và không tham gia gì vào việc mua ma túy của D, M, T và Đ nên T không phải là đồng phạm đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Bản thân T khai là người nghiện ma túy đã từ trước nên trong nhà có sẵn các dụng cụ để sử dụng ma túy, khi các bị cáo D, M, T đến nhà thì các dụng cụ đã có sẵn tại chiếu. Do vậy, không có căn cứ để xử lý đối với anh T về tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

[13] Đối với Hoàng Trọng B, Thân Văn H, Cao Văn N là những người có mặt trong nhà T khi lực lượng Công an vào kiểm tra. Bản thân Bảo, Hải và Nam không biết trước, không được bàn bạc và không tham gia gì vào việc mua ma túy của D, M, T nên không đề cập xử lý đối với Bảo, Hải và Nam.

[14] Đối với Vũ Đức Hoàng Anh là người cho Hoàng Văn T vay tiền để đi mua ma túy. Bản thân Hoàng Anh khi cho T vay tiền không biết T vay dùng vào việc gì nên không đề cập xử lý đối với Hoàng Anh.

[15] Đối với người bán ma túy cho Đ, do Đ khai không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để xử lý là đúng.

[16] Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B2-297.23, quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên thuộc sở hữu của chị Đỗ Thị T, sinh năm: 1976, trú tại: tổ dân phố T, phường K, thành phố B (là mẹ đẻ của Đỗ Tiến M). Ngày 08/06/2018 khi Đỗ Tiến M mượn xe để đi chơi, chị T không biết M mượn xe để phạm tội về ma túy. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chị T chiếc xe trên là đúng, nay chị T không yêu cầu gì về dân sự nên không đặt ra giải quyết.

[17] Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B1-728.46, quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên thuộc sở hữu của anh Vũ Thái D, sinh năm 1991, Nơi cư trú: số nhà 229, đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Tới ngày 08/6/2018 anh Dương cho Trịnh Trọng Đ mượn xe nhưng anh Dương không biết Đ mượn xe để phạm tội về ma túy. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại anh Dương chiếc xe trên là đúng, nay anh Dương không yêu cầu gì về dân sự nên không đặt ra giải quyết.

[18]. Về vật chứng của vụ án:

[18.1] Đối với 02 phong bì thư đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định (Trong đó có 01 phong bì bên trong có chứa chất ma túy và 01 phong bì đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định không tìm thấy thành phần chất ma túy) cần tịch thu tiêu hủy.

[18.2] Đối với 01 chai nhựa đựng nước có nắp màu vàng trên nắp có cắm ống hút nhựa và coóng thủy tinh; 01 chiếc kéo; 01 bật lửa gas; 01 mảnh giấy bạc, không có giá trị sử dụng, do vậy cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với quy định của pháp luật.

[18.3] Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy J5, màn hình bị vỡ của Đỗ Tiến M đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu đen xám của Hoàng Văn T đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của Giáp Thanh Đ đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu đen xám của Trịnh Trọng Đ đã qua sử dụng; Đây là những chiếc điện thoại các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, do vậy cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[19] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Giáp Thanh Đ, Hoàng Văn T, Đỗ Tiến M và Trịnh Trọng Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1.1. Áp dụng điểm c khoản 1, 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Giáp Thanh Đ 01 (Một) năm 05 (Năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/6/2018 đến ngày 18/7/2018.

Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo D 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

1.2. Áp dụng điểm c khoản 1, 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 56; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Đỗ Tiến M 01 (Một) năm 05 (Năm) tháng tù. Tổng hợp với Bản án số: 39/2018/HSST ngày 25/7/2018 của Toà án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt bị cáo M 02 năm 06 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 (Ba) năm 11 (Mười một) tháng tù, nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/01/2018 đến ngày 13/02/2018. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 09/6/2018.

Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo M 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

2.3. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 98; Điều 101; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Hoàng Văn T 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 09/6/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2.4. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 98; Điều 101; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Trịnh Trọng Đ 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 11/6/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu huỷ các vật chứng sau đây:

+ 02 phong bì thư đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định.

+ 01 chai nhựa đựng nước có nắp màu vàng trên nắp có cắm ống hút nhựa và coóng thủy tinh; 01 chiếc kéo; 01 bật lửa gas; 01 mảnh giấy bạc.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước các vật chứng sau đây:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy J5 có số Imei: 357202078470888, màn hình bị vỡ đã qua sử dụng của Đỗ Tiến M.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu đen xám có số Imei: 352013075500055 đã qua sử dụng của Hoàng Văn T.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 có số Imei: 358373056890543 đã qua sử dụng của Giáp Thanh Đ.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu đen xám có số Imei các số cuối là 2048489 đã qua sử dụng của Trịnh Trọng Đ.

(Vật chứng theo quyết định chuyển vật chứng số 121/QĐ-VKS ngày 24/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B và biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/9/2018 giữa Công an thành phố B với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Giáp Thanh Đ, Hoàng Văn T, Đỗ Tiến M và Trịnh Trọng Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố B;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an thành phố B;
- Các bị cáo, người tham gia tố tụng;

T/M - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- CQ THADS TPBG;
- Lưu HS, VP.

Dương Văn Hải

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Văn Hải

